Danh sách model được sử dụng

Phụ tùng	Mô tả	Model	Tên mô tả	Bản vẽ	Số lượng
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	3901	Plate Joiner	025	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	8419B	2-Speed Hammer Drill	003	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	9005B	Disc Grinder	022	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	9005N	Angle Grinder	021	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	9006B	DISC GRINDER 150MM	022	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	9006N	Angle Grinder	021	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	9015B	Angle Grinder	037	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	9016B	Angle Grinder	037	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	9227C	Sander Polisher	046	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	9237C	Máy Đánh Bóng Cầm Tay Hoạt Động Bằng Đ ộng Cơ Điện	021	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	9237CB	Máy Đánh Bóng Cầm Tay Hoạt Động Bằng Đ ộng Cơ Điện	021	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	9500N	DISC GRINDER 100MM	005	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	9500NB	Angle Grinder	005	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	9520B	Angle Grinder	018	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	9523B	100MM ANGLE GRINDER	004	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	9523NB	100MM ANGLE GRINDER	040	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	9524NB	115MM ANGLE GRINDER	040	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	9525B	125MM ANGLE GRINDER	004	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	9525NB	125MM ANGLE GRINDER	040	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	9526B	Angle Grinder	004	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	9526NB	100MM ANGLE GRINDER	040	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	9527NB	115MM ANGLE GRINDER	040	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	9528B	125MM ANGLE GRINDER	004	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	9528NB	125MM ANGLE GRINDER	040	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	9533	Angle Grinder	020	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	9533B	Angle Grinder	020	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	9533BL	Angle Grinder	020	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	9533L	Angle Grinder	020	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	9553B	Angle Grinder	024	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	9553HN	Angle Grinder	024	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	9553NB	Angle Grinder	024	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	9556HB	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Độn g Cơ Điện	024	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	9556HN	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Độn g Cơ Điện	024	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	9556HP	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Độn g Cơ Điện	024	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	9556NB	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Độn g Cơ Điện	024	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	9556PB	Maùy maøi goùc	024	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	9558HN	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Độn g Cơ Điện	024	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	9558HNR	Angle Grinder	024	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	9558NB	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Độn g Cơ Điện	024	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	9558PB	Maùy maøi goùc	024	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	9803	T.C.T. Saw Blade Sharpener	093	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	BGA402	Cordless Angle Grinder	018	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	BGA450	Cordless Angle Grinder	018	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	BGA452	Cordless Angle Grinder	018	1

962151-6	Vòng giữ (int) R-32	BGD801	Cordless Die Grinder	007	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	BPJ180	Cordless Plate Joiner	043	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	BS002G	Cordless Pipe Belt Sander	033	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	DAG100S	100MM ANGLE GRINDER	024	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	DCE090	Máy Cắt Bê Tông Cầm Tay Hoạt Động Bằng Pin	009	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	DCO180	Cordless Cut-Out Tool	013	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	DD2001	DRILL 6.5MM	009	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	DGA402	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Pin	018	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	DGA404	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Pin	019	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	DGA405	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Pin	019	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	DGA406	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Pin	019	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	DGA408	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Pin	019	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	DGA411	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Pin	019	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	DGA412	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Pin	019	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	DGA413	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Pin	019	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	DGA414	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Pin	019	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	DGA417	Cordless Angle Grinder	019	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	DGA418	Cordless Angle Grinder	019	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	DGA450	Cordless Angle Grinder	018	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	DGA452	Cordless Angle Grinder	018	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	DGA506	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Pin	019	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	DGA508	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Pin	019	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	DGA511	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Pin	019	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	DGA512	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Pin	019	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	DGA513	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Pin	019	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	DGA514	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Pin	019	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	DGA517	Cordless Angle Grinder	019	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	DGA518	Cordless Angle Grinder	019	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	DGA700	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Pin	050	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	DGA701	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Pin	050	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	DGA900	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Pin	050	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	DGA901	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Pin	050	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	DGD801	Cordless Die Grinder	007	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	DPJ180	Máy Ghép Mộng Cầm Tay Hoạt Động Bằng Pin	043	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	EE2650H	Petrol Edger	094	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	EM2550UH	Petrol Brushcutter	046	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	EM2650LHN	Petrol String Trimmer	094	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	EM4350RH	Petrol Backpack Brushcutter	069	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	EM4350UH	Petrol Brushcutter	069	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	EN4950H	Petrol Pole Hedge Trimmer	094	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	EN4951SH	Petrol Pole Hedge Trimmer	094	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	EN5950SH	Petrol Pole Hedge Trimmer	094	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	EN7350SH	Petrol Pole Hedge Trimmer	094	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	EX2650LH	Multi Function Power Head	094	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	EY2650H	Telescopic Petrol Pole Saw	094	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	GA003G	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Pin	022	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	GA005G	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Pin	022	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	GA006G	Cordless Angle Grinder	022	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	GA008G	Cordless Angle Grinder	022	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	GA011G	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Pin	022	1

962151-6	Vòng giữ (int) R-32	GA013G	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Pin	022	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	GA014G	Cordless Angle Grinder	022	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	GA021G	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Pin	022	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	GA023G	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Pin	022	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	GA027G	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Pin	022	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	GA029G	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Pin	022	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	GA035G	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Pin	022	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	GA036G	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Pin	022	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	GA037G	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Pin	046	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	GA038G	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Pin	046	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	GA4030	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Động Cơ Điện	024	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	GA4030R	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Động Cơ Điện	024	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	GA4031	Angle Grinder	024	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	GA4032	Angle Grinder	024	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	GA4034	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Động Cơ Điện	024	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	GA4100	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Động Cơ Điện	048	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	GA5030R	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Động Cơ Điện	024	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	GA5100	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Động Cơ Điện	048	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	GA7070	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Động Cơ Điện	017	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	GA7071	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Động Cơ Điện	017	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	GA9070	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Động Cơ Điện	017	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	GA9071	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Động Cơ Điện	017	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	GD0602	Máy Mài Khuôn Cầm Tay Hoạt Động Bằng Động Cơ Điện	009	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	GS5000	Máy Mài Thẳng Cầm Tay Hoạt Động Bằng Động Cơ Điện	023	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	GS6000	Straight Grinder	023	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	HK0500	Power Scraper	040	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	HP1230	Máy Khoan Búa Cầm Tay Hoạt Động Bằng Động Cơ Điện	011	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	HP2000	2-Speed Hammer Drill	003	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	HP2010N	Hammer Drill	003	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	HP2020	2-Speed Hammer Drill	003	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	HR2220	ROTARY HAMMER 22MM	030	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	M8103	Máy Khoan Búa Cầm Tay Hoạt Động Bằng Động Cơ Điện	010	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	M8104	Máy Khoan Búa Cầm Tay Hoạt Động Bằng Động Cơ Điện	010	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	M9501	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Động Cơ Điện	020	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	M9503	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Động Cơ Điện	020	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	M9504	Máy Mài Góc Cầm Tay Hoạt Động Bằng Động Cơ Điện	020	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	M959	Angle Grinder	020	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	MT817	Hammer Drill	010	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	MT818	Hammer Drill	010	1

962151-6	Vòng giữ (int) R-32	MT950	ANGLE GRINDER 100MM	020	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	MT951	Angle Grinder	020	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	MT953	Angle Grinder	020	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	MT954	Angle Grinder	020	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	MT955	Angle Grinder	023	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	MT958	Angle Grinder	023	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	MT959	Angle Grinder	023	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	MT961	Angle Grinder	020	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	MT962	Angle Grinder	020	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	MT963	Angle Grinder	020	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	N9500N	Angle Grinder	005	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	NB411	Brush Cutter	032	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	NB421	Brush Cutter	037	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	PC1100	Concrete Planer	024	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	PJ7000	Máy Ghép Mộng Cầm Tay Hoạt Động Bằng Bằng Động Cơ Điện	043	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	PV001G	Máy Đánh Bóng Cầm Tay Hoạt Động Bằng P in	013	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	RBC411	Petrol Brushcutter	041-1	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	RBC411U	Petrol Brushcutter	047	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	RBC413	Petrol Brushcutter	041	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	RBC413U	Petrol Brushcutter	212	1
962151-6	Vòng giữ (int) R-32	TM30D	Máy Đa Năng Cầm Tay Hoạt Động Bằng Pin	004	1

Ngày in 29/05/2026

Tài liệu được tổng hợp bởi đội ngũ kỹ thuật của **NPOWER** Bản quyền nội dung thuộc về **MAKITA**
www.npower.com.vn Powered by **NAVITECH |** www.navitech.co